

Huyện Q, ngày 16 tháng 10 năm 2019

Số: 16/2019/QĐST-DS

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, điều 213, điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 10 năm 2019 về việc các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 49/2019/TLST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I/. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần K.

*Địa chỉ: Số 191 B, phường L, quận H, TP H; Đại diện theo pháp luật: Ông **Hồ Hùng A**; Chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị; Đại diện theo ủy quyền: Bà **Phạm Thị N** - Chức vụ: Giám đốc xử lý nợ (Theo Quyết định số 1218/2017/QĐ-HĐQT ngày 27/09/2017 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân Hàng TMCP K); Người được uỷ quyền lại: Ông **Phan Xuân H**; Chức danh: Cán bộ xử lý nợ - Ngân hàng TMCP K. (Theo Giấy ủy quyền số 655/2019/UQ/TCB ngày 12 tháng 6 năm 2019 của bà Phạm Thị N).*

Bị đơn:

*1- Ông **Lương Minh T**, sinh năm 1972.*

2- Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1976.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1- Bà **Lương Thùy D**, sinh năm 2001.

Ủy quyền cho ông Lương Minh T theo văn bản ủy quyền ngày 19 tháng 8 năm 2019.

2- Cháu **Lương Thùy L**, sinh năm 2005.

3- Cháu **Lương Minh T**, sinh năm 2012.

Đại diện theo pháp luật cháu Lương Thùy L và cháu Lương Minh T là ông Lương Minh T và bà Nguyễn Thị L.

Đều trú tại: Xóm 9, xã T, huyện Q, thành phố H.

II/ Sự thỏa thuận cụ thể của các đương sự như sau:

1/- **Ngân hàng TMCP K** và ông **Lương Minh T** bà **Nguyễn Thị L** đều xác nhận Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: 48491/HĐTD/TH-TN/TCB HKM ngày 08/6/2011 giữa Ngân hàng TMCP K và ông Lương Minh T, bà Nguyễn Thị L thì tính đến ngày 15/5/2019 bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng số tiền là:

Nợ gốc: 466,652,000 đồng.

Nợ lãi: 894,909,545 đồng.

Tổng nợ: 1,361,561,545 đồng.

2/- Hai bên thống nhất phương án trả nợ như sau:

Sau khi ngân hàng đồng ý miễn lãi phạt cho khách hàng số tiền: **333,916,073 đồng** và miễn tiền phạt vi phạm HĐ cho khách hàng là: **5,000,000 đồng**, số tiền mà ông Lương Minh T, bà Nguyễn Thị L còn phải thanh toán cho ngân hàng TMCP K là: **1,027,645,472 đồng** bao gồm: **466,652,000 đồng** nợ gốc và **560,993,472 đồng** nợ lãi (số liệu tính đến ngày 15/5/2019).

Lãi suất:

Kể từ ngày 16/5/2019, ông Lương Minh T, bà Nguyễn Thị L tiếp tục chịu lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: 48491/HĐTD/TH-TN/TCB HKM ngày 08/6/2011 trên phần nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Phương án và lộ trình trả nợ:

Ông Lương Minh T, bà Nguyễn Thị L đồng ý trả toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 15/5/2019 là 1,027,645,472 đồng bao gồm: 466,652,000 nợ gốc và 560,993,472 đồng nợ lãi và số tiền lãi phát sinh cộng dồn kể từ ngày 16/5/2019 cho đến ngày khách hàng tất toán khoản nợ. Thời hạn trả nợ: Ông Lương Minh T, bà Nguyễn Thị L cam kết thanh toán toàn bộ số tiền nêu trên chậm nhất đến ngày 30/10/2019.

Sau ngày 30/10/2019, ông Lương Minh T, bà Nguyễn Thị L không trả nợ hoặc trả không đầy đủ khoản tiền nêu trên thì Ngân hàng TMCP K có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng: 3064.2011/HĐTC-TCB ngày 06/6/2011 tại Văn phòng Công chứng T, thành phố H.

Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất cùng các quyền và lợi ích phát sinh từ Thửa đất số: 320.1, tờ bản đồ số: 01, có tổng diện tích: 55 m², hình thức sử dụng riêng, mục đích sử dụng: đất ở, thời hạn sử dụng: lâu dài, tại địa chỉ: Xóm 9, xã T, huyện Q, thành phố H. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BC 607363, số vào sổ cấp GCN: CH 1132, do UBND huyện Q, thành phố H cấp ngày 22/4/2011. Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng: 3064.2011/HĐTC-TCB ngày 06/6/2011 tại Văn phòng Công chứng T, thành phố H.

Ông T, bà L cam đoan toàn bộ tài sản trên thuộc quyền sử dụng và sở hữu hợp pháp của mình, gia đình vẫn đang sử dụng và quản lý, không có tranh chấp.

Hai bên thoả thuận trong trường hợp tài sản bảo đảm không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên phát mại tài sản khác của ông Lương Minh T, bà Nguyễn Thị L để thu hồi toàn bộ khoản nợ.

3/- Trong khoảng thời gian ông Lương Minh T, bà Nguyễn Thị L chưa thanh toán hết cho ngân hàng toàn bộ số nợ thì ông Lương Minh T, bà Nguyễn Thị L cam kết giữ gìn tài sản bảo đảm nguyên trạng như hợp đồng thế chấp đã ký và phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi khi ngân hàng thực hiện kiểm tra tài sản bảo đảm.

4/- **Về án phí:** Ông Lương Minh T, bà Nguyễn Thị L chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật là 21,415,000 đồng. Do ông T, bà L có hoàn cảnh khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T, giảm cho ông T, bà L 5,300,000 đồng (Năm triệu ba trăm nghìn đồng), còn phải chịu 16.115,000 đồng (Mười sáu triệu một trăm mười lăm nghìn đồng).

Ngân hàng TMCP K không phải chịu án phí DSST. Hoàn trả Ngân hàng TMCP K: **26.432.000 đồng** (Hai mươi sáu triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai thu số 0010874 ngày 21/9/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Q.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố H;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hữu T

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.